

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG
PHÂN HIỆU HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH
VÀ QUẢN TRỊ CÔNG
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

---[?][?][?]---



TÊN ĐỀ TÀI

**THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM
PHÁP LUẬT CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ
NƯỚC. LIÊN HỆ THỰC TIỄN TẠI MỘT ỦY BAN NHÂN
DÂN CẤP TỈNH.**

BÀI TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Văn bản quản lý nhà nước

Mã phách:

____Thành phố Hồ Chí Minh - 2025____

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến Khoa Lưu trữ và Quản trị văn phòng, Học viện Hành chính và Quản trị Công đã đưa môn học Văn bản quản lý nhà nước vào chương trình giảng dạy. Đây là một môn học thiết thực, không chỉ giúp em nâng cao hiểu biết về hệ thống văn bản hành chính mà còn rèn luyện tư duy pháp lý trong công tác quản lý nhà nước.

Trong suốt quá trình học tập, em may mắn nhận được sự hướng dẫn tận tình từ cô PGS.TS. Tạ Thị Thanh Tâm, giảng viên bộ môn Văn bản quản lý nhà nước. Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến cô – người đã trực tiếp đồng hành, hỗ trợ và định hướng cho em trong suốt quá trình thực hiện bài tiểu luận này.

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện bài tiểu luận: ***"Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước. Liên hệ thực tiễn tại một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh"*** còn nhiều hạn chế, nên bài làm không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong quý thầy, cô xem xét và góp ý để em có thể hoàn thiện hơn trong quá trình học tập và rèn luyện sắp tới.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan, bài tiểu luận là sản phẩm do em thực hiện tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, kết cấu của bài tiểu luận cuối kì. Các cơ sở lí luận và kiến thức được trình bày trong bài tiểu luận là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng không bịa đặt thông tin để trích dẫn. Em xin chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có sự không trung thực về thông tin sử dụng trong quá trình thực hiện bài tiểu luận này.

DANH MỤC VIẾT TẮT

1	UBND	Ủy ban nhân dân
2	CP	Chính phủ
3	HĐND	Hội đồng nhân dân
4	NĐ	Nghị định
5	VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
6	QPPL	Quy phạm pháp luật
7	CQHC	Cơ quan hành chính

LỜI CẢM ƠN

LỜI CAM ĐOAN

DANH MỤC VIẾT TẮT

PHẦN MỞ ĐẦU **1**

1. Lý do chọn đề tài **1**

2. Mục tiêu nghiên cứu **2**

3. Nhiệm vụ nghiên cứu **2**

4. Đối tượng nghiên cứu **3**

5. Phạm vi nghiên cứu **3**

6. Phương pháp nghiên cứu **3**

7. Bố cục đề tài **4**

PHẦN NỘI DUNG **5**

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC **5**

1.1 Tổng quan về văn bản quy phạm pháp luật **5**

1.1.1 Văn bản **5**

1.1.2 Văn bản quy phạm pháp luật **5**

1.1.3 Đặc điểm văn bản quy phạm pháp luật. **6**

1.1.4 Các loại văn bản quy phạm pháp luật **7**

1.2 Khái niệm và đặc điểm cơ quan hành chính nhà nước **8**

1.2.1 Khái niệm cơ quan hành chính nhà nước **8**

1.2.2 <i>Đặc điểm cơ quan hành chính nhà nước</i>	9
1.3 Các cơ quan hành chính nhà nước	10
1.3.1 <i>Cơ quan hành chính Nhà nước ở Trung ương</i>	10
1.3.2 <i>Cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương</i>	11
1.4 Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính đối với hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật	12
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	14
CHƯƠNG 2: THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	15
2.1. Nguyên tắc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật	15
2.2. Chính phủ	15
2.2.1 <i>Vị trí, chức năng của Chính phủ</i>	15
2.2.2 <i>Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Chính phủ</i>	16
2.2.3 <i>Các loại văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành</i>	17
2.2.3.1 <i>Nghị định do Chính phủ ban hành</i>	17
2.2.3.2 <i>Nghị quyết liên tịch do Chính phủ ban hành</i>	18
2.2. Thủ tướng Chính phủ	19
2.2.1 <i>Vị trí và chức năng của Thủ tướng Chính phủ</i>	19
2.2.2 <i>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</i>	19
2.3. Bộ, cơ quan ngang Bộ	20
2.3.1 <i>Vị trí và chức năng của Bộ, Cơ quan ngang bộ</i>	20
2.3.2 <i>Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ</i>	21

2.4. Ủy ban nhân dân các cấp	22
<i>2.4.1 Vị trí và chức năng của Ủy ban nhân dân</i>	23
<i>2.4.2 Mục đích ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	23
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	24
CHƯƠNG 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẢI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	26
3.1 Tổng quan thực trạng ban hành VBQPPL ở tỉnh Đồng Nai	26
<i>3.1.1 Số lượng và tần suất ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	26
<i>3.1.2 Phân tích lĩnh vực tập trung ban hành VBQPPL</i>	26
3.2. Thẩm quyền và quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại UBND tỉnh Đồng Nai	27
<i>3.2.1. Căn cứ pháp lý và phạm vi thẩm quyền</i>	27
<i>3.2.3. Quy trình lập, thẩm định, ký ban hành, công bố và hệ thống hóa văn bản</i>	28
Tiểu kết chương 3	28
TÀI LIỆU THAM KHẢO	30

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh hiện nay, khi Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện, hệ thống pháp luật giữ vai trò then chốt trong việc điều hành xã hội và quản lý nhà nước. Pháp luật được xem là công cụ hữu hiệu để đảm bảo sự công bằng, minh bạch, cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Trong hệ thống pháp luật đó, các VBQPPL do cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt là UBND cấp tỉnh, ban hành có ý nghĩa quan trọng, góp phần cụ thể hóa các quy định của Luật vào thực tiễn quản lý địa phương [19].

Theo báo cáo công tác kiểm tra VBQPPL năm 2022 của Bộ Tư pháp, đã phát hiện hàng trăm văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, trong đó nhiều văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành căn cứ theo báo cáo 132/BC-BTP về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 do Bộ Tư pháp ban hành [1].

Từ những lý do trên, em quyết định chọn đề tài: “Thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước. Liên hệ thực tiễn tại một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” làm đề tài tiểu luận nhằm tìm hiểu rõ hơn về cơ sở pháp lý, thực trạng thực hiện và cơ chế pháp luật trong lĩnh vực này.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Tiểu luận nhằm tìm hiểu tầm quan trọng, nội dung và thẩm quyền ban hành VBQPPL của cơ quan hành chính theo quy định pháp luật hiện hành. Qua đó, giúp hiểu rõ hơn về vai trò, thẩm quyền ban hành và công dụng của văn bản trong quản lý nhà nước. Đồng thời, đề tài phân tích thực tiễn ban

hành VBQPPL tại một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cụ thể hơn là tỉnh Lâm Đồng.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về VBQPPL và thẩm quyền ban hành của các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định hiện hành.

- Làm rõ vai trò, đặc điểm và phân loại VBQPPL trong quản lý nhà nước, đặc biệt là ở cấp chính quyền địa phương.

- Phân tích thực tiễn hoạt động ban hành VBQPPL tại UBND tỉnh Lâm Đồng, làm rõ cách thức thực hiện và những vấn đề còn tồn tại.

4. Đối tượng nghiên cứu

Thẩm quyền ban hành VBQPPL của các cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt tập trung vào UBND tỉnh Lâm Đồng.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian: Tìm hiểu thực tiễn tại một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cụ thể là UBND tỉnh Lâm Đồng.

- Phạm vi về nội dung: Nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan đến thẩm quyền ban hành VBQPPL của cơ quan hành chính nhà nước, tập trung vào văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành.

6. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Thu thập và phân tích các VBQPPL, sách, giáo trình, bài báo khoa học và các nguồn tin chính thống liên quan đến thẩm quyền ban hành VBQPPL. Phương pháp này giúp làm rõ cơ sở lý luận, khái niệm và vai trò của thẩm quyền ban hành VBQPPL.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Phân tích và đối chiếu thông tin từ tài liệu và thực tiễn để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thẩm quyền ban hành VBQPPL.

7. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, nội dung chính của bài tiểu luận gồm 3 phần chính:

- CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

- CHƯƠNG 2: THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

- CHƯƠNG 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1.1 Tổng quan về văn bản quy phạm pháp luật

1.1.1 Văn bản quy phạm pháp luật

Theo Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 số 80/2015/QH13 áp dụng 2025 định nghĩa rằng “ Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này” [7].

1.1.2 Đặc điểm văn bản quy phạm pháp luật.

Theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), văn bản quy phạm pháp luật phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về nội dung, thẩm quyền, hình thức, trình tự và thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nghị định này quy định chi tiết về các bước như: lập đề nghị xây dựng văn bản, đánh giá tác động của chính sách, soạn thảo, thẩm định, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, công bố, niêm yết, dịch thuật sang tiếng dân tộc thiểu số hoặc tiếng nước ngoài, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, cũng như bảo đảm nguồn lực để thực hiện việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật [2].

1.1.4 Các loại văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản quy phạm pháp luật được chia làm hai loại là văn bản luật và văn bản dưới luật.

- Văn bản luật là văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất. Văn bản luật bao gồm Hiến pháp - đạo luật cơ bản của Nhà nước, các luật, các bộ luật và các nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật của Quốc hội. Trong các loại văn bản này thì Hiến pháp là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý tối cao. Bất kì văn bản pháp luật nào khác trái với Hiến pháp đều là văn bản vô hiệu và phải được bãi bỏ.

- Các văn bản dưới luật căn cứ theo điều 4 của luật ban hành VBQPPL số 64/2025/QH15: [6] các văn bản này được ban hành nhằm cụ thể hóa, hướng dẫn thi hành luật, bộ luật và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên. trong hệ thống pháp luật, các văn bản dưới luật không được trái với hiến pháp và luật, nếu có nội dung trái thì bị coi là không hợp pháp và phải được đình chỉ hoặc hủy bỏ theo quy định.

1.2 Khái niệm và đặc điểm cơ quan hành chính nhà nước

1.2.1 Khái niệm cơ quan hành chính nhà nước

Cơ quan hành chính là một bộ phận quan trọng trong bộ máy nhà nước, được thành lập trên cơ sở Luật định, thực hiện những nhiệm vụ và quyền hạn trong từng lĩnh vực nhất định.

Theo giáo trình Luật hành chính, trường Đại học Luật Hà Nội [12]: Cơ quan hành chính nhà nước là bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước, trực thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp, có phương diện hoạt động chủ yếu là hoạt động chấp hành – điều hành, có cơ cấu tổ chức và phạm vi thẩm quyền do pháp luật quy định.

1.2.2 Đặc điểm cơ quan hành chính nhà nước

Cơ quan hành chính nhà nước là bộ phận của bộ máy nhà nước nên cũng có các đặc điểm chung của cơ quan nhà nước như sau:

- Cơ quan hành chính nhà nước có quyền nhân danh Nhà nước khi tham gia vào các quan hệ pháp luật nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý với mục đích hướng tới lợi ích công (mang tính quyền lực nhà nước). Biểu hiện của tính quyền lực nhà nước đó là: Cơ quan hành chính nhà nước có quyền ban hành các VBQPPL và có thể được áp dụng những biện pháp cưỡng chế nhà nước nhất định.

- Hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu tổ chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định. Cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính nhà nước được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật như Luật tổ chức Chính phủ năm 2001, Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân năm 2003...

- Cơ quan hành chính nhà nước là hệ thống cơ quan có mối liên hệ chặt chẽ, thống nhất. Hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước được thành lập từ trung ương đến cơ sở, đứng đầu là Chính phủ, tạo thành một chỉnh thể thống nhất, được tổ chức theo hệ thống thứ bậc, có mối quan hệ mật thiết phụ thuộc nhau về tổ chức và hoạt động nhằm thực thi quyền quản lý hành chính nhà nước.

1.3 Các cơ quan hành chính nhà nước

Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ, cơ quan hành chính Nhà nước được chia thành cơ quan hành chính Nhà nước ở trung ương và cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương:

1.3.1 Cơ quan hành chính Nhà nước ở Trung ương

Theo Điều 94 Hiến pháp 2013, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cụ thể: [5]

- Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

- Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Theo đó, cơ cấu của Chính phủ quy định tại Điều 95 Hiến pháp 2013: [5]

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

- Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Cơ cấu, số lượng thành viên của Chính phủ do Quốc hội quyết định.

- Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và các nhiệm vụ được giao; báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước.

- Phó Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng làm nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng về nhiệm vụ được phân công. Khi Thủ tướng vắng mặt, một Phó Thủ tướng được Thủ tướng ủy nhiệm thay mặt lãnh đạo công tác của Chính phủ.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực mà mình được phân công phụ trách, cùng các thành viên khác của Chính phủ chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Chính phủ.

1.3.2 Cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương

Căn cứ Điều 114 Hiến pháp 2013 nêu rõ: [5]

1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

2. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

Theo đó, UBND gồm các cấp:

- UBND cấp tỉnh/thành phố;
- UBND cấp huyện/quận;
- UBND cấp xã/phường.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 đã hệ thống những cơ sở lý luận nền tảng về VBQPPL và cơ quan hành chính nhà nước – hai yếu tố cốt lõi trong hoạt động quản lý nhà nước bằng pháp luật. Thông qua việc phân tích khái niệm, đặc điểm và phân loại VBQPPL theo thẩm quyền ban hành, chương giúp xác định rõ vai trò điều chỉnh pháp lý và giá trị pháp lý của từng loại văn bản trong thực tiễn. Đồng thời, chương cũng làm rõ vị trí, chức năng và đặc điểm tổ chức của cơ quan hành chính nhà nước trong bộ máy nhà nước, khẳng định vai trò trung tâm của các cơ quan này trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức thi hành và kiểm tra VBQPPL. Những nội dung được trình bày ở chương này tạo nền móng lý luận vững chắc để tiếp tục phân tích chuyên sâu thẩm quyền ban hành VBQPPL của cơ quan hành chính nhà nước trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2: THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

2.1. Nguyên tắc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 số 80/2015/QH13 áp dụng điều 5 về nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. [7]

1. Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.
2. Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
3. Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật.
4. Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.
5. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
6. Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.2. Chính phủ

2.2.1 Vị trí, chức năng của Chính phủ

Căn cứ quy định tại Điều 1 Luật tổ chức Chính phủ 2015 [8] thì Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Nhiệm kỳ của Chính phủ theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chính phủ tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới thành lập Chính phủ.

2.2.3 Các loại văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và thẩm quyền ban hành các loại văn bản pháp luật cụ thể được quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 [7] và Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2020 [10].

Trong đó, Chính phủ có thẩm quyền ban hành loại văn bản quy phạm pháp luật có tên là 'Nghị định'. Bên cạnh đó, Chính phủ có thể phối hợp với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành loại văn bản quy phạm pháp luật có tên là 'Nghị quyết liên tịch'. Căn cứ quy định tại Điều 18 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 [7]

2.2.3.1 Nghị định do Chính phủ ban hành

Căn cứ quy định tại Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 thì Chính phủ ban hành nghị định để quy định: Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 số 80/2015/QH13 áp dụng 2025: [7]

- Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

- Các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các biện pháp để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ; những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của từ hai bộ, cơ quan ngang bộ trở lên; nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

- Vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trước khi ban hành nghị định này phải được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.2.3.2 Nghị quyết liên tịch do Chính phủ ban hành

Mục đích ban hành Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được căn cứ theo quy định tại Điều 18 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2020) như sau: [7]

- Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành nghị quyết liên tịch để quy định

chi tiết những vấn đề được luật giao hoặc hướng dẫn một số vấn đề cần thiết trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Theo đó, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành nghị quyết liên tịch để quy định chi tiết những vấn đề được luật giao hoặc hướng dẫn một số vấn đề cần thiết trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

2.2. Thủ tướng Chính phủ

2.2.1 Vị trí và chức năng của Thủ tướng Chính phủ

Theo khoản 2 điều 95 Theo hiến pháp năm 2013 [5]: Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao; báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

2.2.2 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ tại Điều 20 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 có quy định như sau: [7]

Điều 20. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định để quy định:

1. Biện pháp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, chế độ làm việc với các thành viên Chính phủ, chính quyền địa phương và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

2. Biện pháp chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các thành viên Chính phủ; kiểm tra hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính

phủ, chính quyền địa phương trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2.3. Bộ, cơ quan ngang Bộ

2.3.1 Vị trí và chức năng của Bộ, Cơ quan ngang bộ

Cơ quan ngang bộ được giải thích tại khoản 1 Điều 39 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 [8]:

Bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ, cơ quan ngang bộ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

2. Chính phủ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng bộ, cơ quan ngang bộ.

Theo đó, cơ quan ngang bộ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

Và Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 [8]:

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ, lãnh đạo công tác của bộ, cơ quan ngang bộ; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công; tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

Với vị trí đó, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có quyền “ban hành VBQPPL theo thẩm quyền - công cụ pháp lý quan trọng và không thể thiếu để các chủ thể này thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được phân công trong phạm vi toàn quốc. Theo quy định

của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có quyền ban hành VBQPPL với tên gọi là Thông tư (Khoản 8, Điều 4).

2.3.2 Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

Điều 16. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ Luật số 17/2008/QH12 của Quốc hội quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có quyền: [4]

1. Quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

2. Quy định về quy trình, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, lĩnh vực do mình phụ trách;

3. Quy định biện pháp để thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực do mình phụ trách và những vấn đề khác do Chính phủ giao.

Còn theo Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành VBQPPL để quy định: “Chi tiết điều, khoản, điểm *được giao* trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ” (khoản 1 Điều 24).

2.4. Ủy ban nhân dân các cấp

2.4.1 Vị trí và chức năng của Ủy ban nhân dân

Theo điều 8 Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015 số 77/2015/QH13 áp dụng 2024: [9]

Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

Tham khảo Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (Được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a, điểm b khoản 1 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2020) quy định về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật [7]

Theo đó có thể thấy xét theo từ cao xuống thấp thì có loại văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp như sau:

- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.4.2 Mục đích ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Tại Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định để quy định về các vấn đề như sau:[7]

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.
2. Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương.
3. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.

Việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức quyết định có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm pháp luật được triển khai thống nhất, cụ thể và phù hợp với thực tiễn tại địa phương. Thông qua đó, chính quyền cấp tỉnh có thể chủ động điều hành, quản lý các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đồng thời thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao. Việc ban hành quyết định còn giúp tăng tính minh bạch, rõ ràng trong quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện đúng quy định pháp luật, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính nhà nước tại địa phương.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã làm rõ thẩm quyền ban hành VBQPPL của các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể, chương trình bày khái quát về vị trí, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động cũng như các loại VBQPPL được ban hành bởi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp. Qua đó, những phân tích trong chương là cơ sở cần thiết để hiểu rõ hơn về thẩm quyền, phạm vi và ý nghĩa của việc xây dựng, ban hành VBQPPL trong thực tiễn quản lý nhà nước.

CHƯƠNG 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẢI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

3.1 Tổng quan thực trạng ban hành VBQPPL ở tỉnh Đồng Nai

3.1.1 Số lượng và tần suất ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tỉnh Đồng Nai đã xác định rõ vai trò quan trọng của VBQPPL trong việc quản lý và điều hành địa phương. Theo Quyết định 480/QĐ-UBND Đồng Nai [14], UBND tỉnh đã tiến hành hệ thống hóa 761 văn bản VBQPPL còn hiệu lực cùng với 348 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 101 văn bản hết hiệu lực một phần, và 75 văn bản cần đình chỉ, sửa đổi hoặc bãi bỏ [15]. Điều này cho thấy sự quan tâm đặc biệt đối với hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật cũ – một bước quan trọng để đảm bảo tính minh bạch và hiệu lực pháp lý.

3.1.2 Phân tích lĩnh vực tập trung ban hành VBQPPL

Phân tích các VBQPPL được ban hành trong năm 2024 - đầu 2025 ghi nhận sự tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu sau:

3.1.2.1 Quản lý đất đai và hỗ trợ tái định cư

Điển hình là Quyết định 08/2025/QĐ-UBND [16] ngày 10/02/2025, quy định mức chi hỗ trợ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Văn bản này căn cứ theo Nghị định 88/2024/NĐ-CP [3] và Luật Đất đai, nhằm đảm bảo quyền lợi của người dân và doanh nghiệp, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả khai thác nguồn lực đất đai phục vụ phát triển địa phương.

3.1.2.2 Hệ thống hóa và rà soát văn bản pháp luật

Việc ban hành Quyết định 480/QĐ-UBND [14] và Quyết định số 324/QĐ-UBND [18] phản ánh chiến lược quản lý pháp luật bài bản, có quy trình phục hồi, rà soát và bãi bỏ văn bản lạc hậu. Đây là minh chứng cho ý thức hiện đại hóa hệ thống pháp luật địa phương, bảo đảm tính thống nhất và hiệu lực lâu dài.

3.1.2.3 Cơ cấu tổ chức và chức năng của cơ quan hành chính

Các văn bản như Quyết định 14/2025/QĐ-UBND về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp & Môi trường [17] (ngày 27/02/2025) thể hiện xu hướng quy định rõ vị trí, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn, phù hợp với định hướng cải cách hành chính. Việc tập trung xây dựng các VBQPPL trên những lĩnh vực trọng yếu này thể hiện sự quan tâm của UBND tỉnh Đồng Nai trong việc vừa phát triển kinh tế xã hội, vừa bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội tại địa phương

3.2. Thẩm quyền và quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại UBND tỉnh Đồng Nai

3.2.1. Căn cứ pháp lý và phạm vi thẩm quyền

Căn cứ Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 năm 2015 [7], UBND tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền ban hành các quyết định thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh, nhằm cụ thể hóa luật, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và pháp luật cấp trên. Quyền hạn này nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật trong công tác quản lý hành chính, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Phạm vi thẩm quyền được quy định rõ ràng, không vượt quá những nội dung được giao để tránh chồng chéo hoặc xung đột pháp luật.

3.2.3. Quy trình lập, thẩm định, ký ban hành, công bố và hệ thống hóa văn bản

Quy trình ban hành VBQPPL tại UBND tỉnh Đồng Nai được tổ chức bài bản, từ việc lập đề nghị xây dựng văn bản, soạn thảo, lấy ý kiến đóng góp, thẩm định nội bộ, trình ký ban hành đến công bố và hệ thống hóa. Các đề nghị xây dựng văn bản thường xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của các sở, ngành hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Sau khi soạn thảo, dự thảo văn bản được gửi đến các cơ quan liên quan để lấy ý kiến góp ý nhằm bảo đảm tính khả thi và phù hợp.

Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai đóng vai trò then chốt trong việc thẩm định nội dung, bảo đảm tính pháp lý và sự thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật hiện hành. Khi hoàn thiện, văn bản được trình Chủ tịch UBND hoặc Phó Chủ tịch UBND ký ban hành, tùy theo thẩm quyền phân công. Sau khi ký ban hành, văn bản được công bố rộng rãi trên cổng thông tin điện tử tỉnh để người dân, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan dễ dàng tiếp cận. Cuối cùng, UBND tỉnh thực hiện công tác hệ thống hóa văn bản theo các quyết định đã ban hành nhằm rà soát, loại bỏ văn bản lỗi thời, góp phần duy trì sự đồng bộ, hiệu lực của hệ thống VBQPPL [11].

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Chương 3 đã làm rõ thực tiễn ban hành VBQPPL của UBND tỉnh Đồng Nai với quy trình triển khai bài bản, nghiêm túc và đúng thẩm quyền. Các văn bản chủ yếu tập trung vào những lĩnh vực thiết yếu, phản ánh sát nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Sở Tư pháp giữ vai trò nòng cốt trong thẩm định, đảm bảo tính hợp pháp và thống nhất trong toàn hệ thống pháp luật. Việc công khai và hệ thống hóa VBQPPL không chỉ nâng cao tính minh bạch mà còn góp phần tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Tư pháp (2023), Báo cáo công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2022, Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Hà Nội.

[2] Chính phủ. (2016). Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3] Chính phủ. (2024). Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 12/8/2024 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Hà Nội.

[4] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2008). Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, số 17/2008/QH12. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2013). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, số 64/2015/QH15. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[7] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, số 80/2015/QH13. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[8] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Luật Tổ chức Chính phủ, số 76/2015/QH13. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[9] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2015). Luật Tổ chức chính quyền địa phương, số 77/2015/QH13. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[10] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, số 63/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[11] Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai. (2024). Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Truy cập ngày 09/6/2025, từ <https://vbpl.vn>

[12] Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), Giáo trình luật hành chính Việt Nam, Nxb.CAND, Hà Nội.

[13] Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. (2024). Công bố văn bản quy phạm pháp luật trên cổng thông tin điện tử. Truy cập ngày 09/6/2025, từ <https://dongnai.gov.vn>

[14] Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. (2024). Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019–2023 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Đồng Nai.

[15] Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. (2025). Báo cáo thống kê văn bản quy phạm pháp luật quý I năm 2025. Truy cập ngày 09/6/2025, từ <https://pbgdpl.dongnai.gov.vn>

[16] Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. (2025). Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đồng Nai.

[17] Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. (2025). Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai. Đồng Nai.

[18] Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. (2025). Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai năm 2024. Đồng Nai.

[19] Viện Nghiên cứu Lập pháp (2021), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, (13), tr. 15–22.

PHIẾU CHẤM ĐIỂM HÌNH THỨC THI BÀI TẬP TIỂU LUẬN

Điểm, Chữ kí (Ghi rõ họ tên) của cán bộ chấm thi		Điểm thống nhất của bài thi		Chữ kí xác nhận của cán bộ nhận bài thi
CB chấm thi số 1	CB chấm thi số 2	Bằng số	Bằng chữ	